TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28/3/2019
Về việc: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2019/TLST - HNGĐ ngày 23/01/2019 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Chu Xuân S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng*: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương .

(*Chị Q có mặt, anh S, bà X vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Chu Xuân S trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 06/01/2014. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với mẹ chồng, chị làm may còn anh

S lao động tự do. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai người không hợp nhau, thường hay chơi bời không có trách nhiệm tới gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương để ở từ ngày 06/02/2014 cho tới nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh Chu Xuân S, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Chu Xuân S đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh S không đến và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Bà Phạm Thị X là mẹ đẻ của anh Chu Xuân S trình bày: Vợ chồng chị Q, anh S hạnh phúc được gần 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống, anh S hay mải chơi, không tu chí làm ăn; còn chị Q cư xử không đúng mực với chồng, vợ chồng hay cãi nhau, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2014 cho tới nay. Chị Q xin ly hôn với anh S, Tòa án thông báo và triệu tập anh S đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, bà đã thông báo cho anh S và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh S. Nay chị Q xin ly hôn với anh S bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bà không nợ gì vợ chồng chị Q, anh S và vợ chồng cũng không nợ gì bà.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương xác nhận: Anh S và chị Q hạnh phúc thời gian ngắn, sau xảy ra mâu thuẫn, do anh S không có trách nhiệm với gia đình, chị Q đã về nhà bố mẹ để ở.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị

Nguyễn Thị Q; đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn với anh Chu Xuân S; Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh S không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Chu Xuân S đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai anh S đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Chu Xuân S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 06/01/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh S là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 01 tháng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp về tình cảm, bất đồng trong cuộc sống, anh S không tu chí làm ăn. Nên chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 02 năm 2014, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Q đã về nhà bố mẹ ở. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh S thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Q cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Q ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Chị Q, anh S không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Chu Xuân S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004991 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã C;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tú